

Chị B và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau vào ngày 02/3/2022. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T không quan tâm và không tôn trọng chị B. Gia đình có hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại anh chị đã sống ly thân khoảng 01 tháng nay. Vì vậy, chị B yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị B xác định khi kết hôn cha mẹ anh T có cho vợ chồng 10 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tai vàng 18k, 01 nhẫn vàng 18k và 01 nhẫn cưới vàng 18k. Số vàng này hiện tại bên anh T quản lý. Tuy nhiên, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án chị B có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trương Thị Tuyết B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Diệp Đăng T. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh T có địa chỉ tại ấp L, xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 17/8/2022, chị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Tuyết B và anh Diệp Đăng T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau vào ngày 02/3/2022. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị B yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, yêu cầu của chị B là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và hiện tại đã sống ly thân. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn

tự gia đình nhưng không có kết quả do anh T vắng mặt tại lần hòa giải không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Trương Thị Tuyết B và anh Diệp Đăng T được ly hôn.

[4] Về con chung, nợ chung: Chị B xác định chị và anh T không có con chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Chị Trương Thị Tuyết B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị Tuyết B và anh Diệp Đăng T được ly hôn.
2. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Tuyết B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 26 tháng 7 năm 2022 chị B có dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0015143 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
4. Về quyền kháng cáo: Chị B, anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảo Trâm